

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2024/HS-ST
Ngày 18 tháng 7 năm 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Duyên Văn Hiền**

2/ Ông **Nguyễn Trường Hận**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Hiếu Nghĩa** - Là Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông **Trương Chí Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau - Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2024, đối với các bị cáo:

- Bị cáo thứ 1:

Bùi Công D, giới tính: Nam; sinh ngày 29/11/1999, tại Cà Mau.

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Làm biển; cha: Bùi Văn H, mẹ: Huỳnh Thanh T; anh, chị, em ruột: 03 người (lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 1999); vợ, con: Chưa có; tiền án: 01 (tại Bản án hình sự số: 16/2018/HS-ST ngày 26/02/2018 của TAND huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xử phạt 4 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/02/2018, án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng chưa chấp hành xong); tiền sự: Không (Ngày 15/3/2017 bị Công an xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi “Cố ý gây thương tích”, đã được xóa).

Bị tạm giữ từ ngày 28/12/2023 đến nay.

- Bị cáo thứ 2:

Nguyễn Tấn L, giới tính: Nam; sinh ngày 27/8/1988, tại Cà Mau.

Nơi thường trú: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 4/12; nghề nghiệp: Làm biển; cha: Nguyễn Tấn V, sinh năm 1960 (còn sống); mẹ: Phú Ngọc Đ, sinh năm 1962 (còn sống); anh, chị, em ruột: 02 người (lớn sinh năm 1981, nhỏ sinh năm 1985); vợ: Nguyễn Kim C, sinh năm 1985; con: 02 người (lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2023); tiền sự: 01 (Ngày 03/6/2023 bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc” theo Quyết định số: 147/QĐ-XPHC, chấp hành xong vào ngày 23/6/2023, chưa được xoá); tiền án: Không (Ngày 15/4/2011 bị TAND huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xử phạt 01 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự số: 21/2011/HSST; Ngày 12/9/2011 bị TAND huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự số: 70/2011/HS-ST, đã được xoá án tích).

Bị tạm giữ từ ngày 02/01/2024 đến nay.

- Bị cáo thứ 3:

Hồ Văn T1, giới tính: Nam, sinh ngày 01/01/1996, tại Đồng Tháp.

Nơi thường trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Làm thuê; cha: Hồ Văn V1, sinh năm 1969 (còn sống); mẹ: Trần Thị M, sinh năm 1969 (còn sống); anh, chị, em ruột: 01 người (sinh năm 1989); vợ: Phạm Lệ Q, sinh năm 2000; con: 01 người (lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2023); tiền sự: 01 (Ngày 07/02/2022 bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 6.500.000 đồng về hành vi “Cố ý gây thương tích” theo Quyết định số: 47/QĐ-XPHC, chưa được xoá); tiền án: Không (Ngày 19/7/2013 bị TAND huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xử phạt 01 năm 07 tháng 24 ngày tù giam về tội “Hiếp dâm” theo Bản án hình sự số: 57/2013/HSST; Ngày 15/01/2016 bị TAND huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án hình sự số: 05/2016/HSST; Ngày 26/10/2018 bị TAND huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xử phạt 01 năm tù giam về tội “Tổ chức đánh bạc” theo Bản án hình sự số: 84/2018/HS-ST, đã được xoá án tích).

Bị tạm giữ từ ngày 28/12/2023 đến nay.

- Bị cáo thứ 4:

Trần Tiểu Đ1, giới tính: Nam; sinh ngày 10/6/1998, tại Cà Mau.

Nơi thường trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; cha: Trần Thanh N, sinh năm 1973 (còn sống); mẹ: Bùi Thị M1, sinh năm 1970 (còn sống); anh, chị, em ruột: bị cáo là con duy nhất trong gia đình; vợ: Nguyễn Ngọc N1, sinh năm 2005; con: 02 người (lớn sinh năm 2021, nhỏ sinh năm 2022); tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 28/12/2023 đến nay.

- Bị cáo thứ 5:

Nguyễn Y R, giới tính: Nam, sinh ngày 07/4/1991, tại Cà Mau.

Nơi thường trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm biển; cha: Nguyễn Văn Á, sinh năm 1968 (đã chết); mẹ: Tống Thùy N2, sinh năm 1969 (còn sống); anh, chị, em ruột: 03 người (lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 1998); vợ: Nguyễn Như Ý, sinh năm 2001; con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không (Ngày 22/5/2018 bị TAND huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xử phạt 03 năm tù giam về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án hình sự số: 47/2018/HS-ST, đã được xoá án tích).

Bị tạm giữ từ ngày 20/12/2023 đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại – Vắng mặt:*

Ông **Trần Minh Đ2**, sinh năm 1988, trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông **Lê Văn T2**, sinh năm 1978, trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Vắng mặt:*

Bà **Phạm Tú Q1**, sinh năm 1990, trú: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bà **Lê Tú D1**, sinh năm 2000.

Ông **Lê Thanh M2**, sinh năm 1981.

Cùng trú: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người làm chứng – Vắng mặt:*

Ông **Lê Hoàng V2**, sinh năm 1972, trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông **Lê Văn S**, sinh năm 1975, trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 17/12/2023, R rủ D và Đ1 đi ra biển rước N3 đang đi ghe cho ông T3 vào bờ nói chuyện (do N3 nợ tiền của R), D rủ thêm T1 và K cùng đi. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, R điện thoại cho H1 nhờ tìm vỏ máy chở nhóm của R đi ra biển rước N3. H1 điện thoại cho M2 thì M2 điện thoại cho C1 mượn vỏ máy, C1 kêu L điều khiển vỏ máy của ông T4 chở nhóm của R ra biển. Khoảng hơn 12 giờ cùng ngày, nhóm của R (gồm: R, D, Đ1, T1, K) đến nhà của D1 ở ấp S, xã K để L điều khiển vỏ máy chở cả nhóm ra biển. Khi L điều khiển vỏ máy chạy cách đất liền được khoảng 3 hải lý (ở vị trí tọa độ 09⁰14'N; 104⁰45'E, thuộc phạm vi quản lý hành chính trên biển của xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau) L gặp ghe của Đ2 đang điều khiển chở

V2, Q2, S chạy hướng ngược lại từ biển vào đất liền. Lúc này, L nhớ lại mâu thuẫn trước đây với Đ2 (do tranh chấp ngư trường) nên L điều khiển vỏ máy quay lại rượt đuổi theo và kêu nhóm của R lấy vỏ chai bia thủy tinh và vỏ ốc dưới hầm mũi ném vào hướng những người trên ghe Đòi đang điều khiển. Trong lúc nhóm của R tấn công ném vỏ chai bia thủy tinh bẻ trúng vào ngón chân út bàn chân phải của ông V2 gây thương tích và ném vỏ ốc trúng vào vùng ngực của ông S. Khi L rượt đuổi khoảng vài phút thì ghe Đòi đang điều khiển chết máy, lúc này L điều khiển vỏ máy cập vào mạn phải ghe của Đ2, cả nhóm của R và L qua ghe của Đ2 đe dọa kêu V2, Q2, S ra phía trước mũi đứng nhằm mục đích không cho họ phản kháng, sau đó R, D, Đ1, T1, K, L sử dụng cây gỗ, cần lái Inox trên ghe của Đ2 mở nắp hầm máy tấn công Đ2 đang trốn dưới hầm máy trúng vào thắt lưng của Đ2 gây thương tích. Trong lúc tấn công, khống chế những người trên ghe của Đ2, D thấy bọc khô mực lá của Đ2 để phía sau lái ghe nên D nảy sinh ý định chiếm đoạt đem về ăn, D dùng chân đá bọc khô mực qua vỏ của L. Sau khi R, D, Đ1, T1, K, L tấn công được khoảng vài phút thì ngưng và quay lại vỏ, trong lúc quay lại vỏ D thấy cây cần lái Inox để trên hầm máy ghe của Đ2 nên D lấy về để trên hầm mũi vỏ gần chỗ D, R, Đ1, T1, K ngồi, mục đích lấy cho bỏ ghét. Lúc D lấy tài sản (khô mực và cây cần lái I) đem về vỏ chiếm đoạt những người đi trên ghe của Đòi hoảng sợ, không dám phản kháng, R, L, Đ1, T1, K nhìn thấy, biết và đồng ý việc D lấy bọc khô mực và cây cần lái Inox trên ghe của Đ2. Lợi tiếp tục điều khiển vỏ máy chở nhóm của R đi tìm N3, khi đi đến ghe của M2 thì R, T1, D, Đ1, K lên ghe của Mơ tắm rửa chờ sang ghe khác đi rước N3. Sau khi có ghe nhóm của R sang ghe của H2 do Q3 điều khiển đi rước N3, còn L ở lại điều khiển vỏ máy vào bờ sau, trong lúc L ở lại sửa chữa vỏ máy thì không biết ai lấy mất cây cần lái I lấy trên ghe của Đ2 trước đó. Sau khi vào bờ R, T1, D, Đ1, K, N3 hẹn lại nhà của R nhậu, D chở K lại nhà của R ở nhà sau, T1 nằm võng ở nhà trước. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, L điều khiển vỏ máy của T4 vào tới đất liền, lấy bọc khô mực lấy trên ghe của Đ2 trước đó và 02 bọc mực tươi bỏ vào bao đem đến nhà của R. Khi đến nhà của R, thì L gặp T1 nằm võng phía trước, L đem bao mực ra sau bếp gặp D, K đang hút thuốc, L để bao mực xuống nền rủ D nhậu nhưng D nói mệt không nhậu với L, L nói D chia khô mực lấy trên ghe của Đ2 trước đó ra ăn và lấy 2 con khô mực, số khô mực còn lại trong bọc để lại cho nhóm của D. Trong lúc từ nhà sau đi ra, L gặp và rủ R nhậu nhưng R từ chối nhậu với L, vì R không thân với L nên không muốn nhậu chung nên L đi về. Trong lúc R, D, K, Đ1, Nguyễn Văn N4 (gần nhà R) đang ngồi trước nhà chờ tập trung đầy đủ nhậu thì R bị Công an mời làm việc. Lúc này D lấy bọc khô mực lấy trên ghe của Đ2 trước đó đem đi đưa cho người tên L1 (không rõ nhân thân, lai lịch) nhậu.

*/ Tại Kết luận định giá tài sản số 50/KL-ĐGTS ngày 28/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện T kết luận các tài bị chiếm đoạt nêu trên tổng giá trị là: 8.968.000 đồng.

*/ Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 305/KLTTCT-TTPY ngày 02/01/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh C, kết luận đối với Đ2 như sau:

Vùng bả vai trái không còn dấu vết thương tích. Không xếp tỷ lệ %. 01 vết rách da ngang cột sống thắt lưng L4, kích thước: 01cm x 0,5cm, tỷ lệ 01% do vật tày, vật tày có cạnh hoặc vật có cạnh nhọn gây ra. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 01%.

*/ Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 306/KLTTCT-TTPY ngày 02/01/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh C, kết luận đối với V2 như sau:

Vùng hông lưng không còn dấu vết thương tích. Không xếp tỷ lệ %. 01 vết sẹo ngón V bàn chân phải, kích thước: 1,5cm x 0,1cm, tỷ lệ 01% do vật tày có cạnh sắc hoặc vật có cạnh sắc nhọn gây ra. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 01%.

*/ Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 307/KLTTCT-TTPY ngày 02/01/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh C, kết luận đối với S1 như sau:

Tại thời điểm giám định trên cơ thể ông S1 không còn dấu vết thương tích. Không xếp tỷ lệ %. Không có căn cứ xác định vật gây thương tích. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 00%.

*/ Về trách nhiệm dân sự: Ông Đ2 yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền điều trị là 3.000.000 đồng, tiền khỏ mực bị chiếm đoạt 8.000.000 đồng. Ông T2 yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền 3.968.000 đồng (trong đó: cây cần lái bị chiếm đoạt số tiền 968.000 đồng, sửa chữa ghe bị hư hỏng số tiền 3.000.000 đồng).

*/ Về đồ vật thu giữ chưa xử lý gồm: 02 vỏ chai bia thủy tinh S đỏ, kích thước: cao 22,5cm, đường kính đáy 6cm, đường kính nắp 3cm; 04 vỏ ốc; 01 cây gỗ kích thước 225cm x 3cm x 5cm; 02 cây gỗ có cùng kích thước 240cm x 2cm x 6cm; 01 cây gỗ kích thước 206cm x 3cm x 5cm; 01 cây gỗ kích thước 100cm x 4cm x 6cm; 01 cây gỗ kích thước 89cm x 4cm x 6cm; Nhiều mảnh thủy tinh vỡ; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng có sọc ngang màu nâu; 01 quần sọt nam Kaki màu xanh rêu; 01 nón kết lưỡi chai màu đen có thêu hình con hổ màu vàng; 01 áo sơ mi nam dài tay màu tím nhạt, có sọc ca rô màu nâu; 01 quần sọt Jean nam màu xám, trắng; 01 áo sơ mi vải sọc ca rô phía sau lưng có chữ màu đen “Classic Denim 99”; 04 thẻ nhớ camera; 01 điện thoại di động iphone SE màu đen, bạc; 01 kết đựng bia S bằng nhựa màu đỏ; 02 cây dao tự chế; 01 bình xịt hơi cay; 20 đoạn vải mùng màu trắng; 03 ná gỗ, dây thun; 201 viên đá, 187 viên bi; 07 vỏ chai bia thủy tinh.

*/ Tại Cáo trạng số: 45/CT-VKS ngày 22/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tỉnh Cà Mau truy tố các bị cáo Bùi Công D, Nguyễn Y R, Hồ Văn T1, Trần Tiểu Đ1, Nguyễn Tấn L, về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên Cáo trạng số: 45/CT-VKS ngày 22/4/2024 và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo phạm tội “Cướp tài sản”.
- Về hình phạt:

+ D: Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS, phạt bị cáo từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

+ Lợi: Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, phạt bị cáo từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

+ Đối với Y R: Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 BLHS, phạt bị cáo từ 02 năm đến 03 năm tù.

+ Tường: Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 BLHS, phạt bị cáo T1 từ 02 năm đến 03 năm tù.

+ Điền: Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 BLHS, phạt bị cáo Đ1 từ 02 năm đến 03 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS; các điều 584, 589 BLDS.

Buộc mỗi bị cáo bồi thường cho ông Đ2 số tiền là 1.600.000 đồng, cho ông T2 số tiền là 193.000 đồng.

Số tiền 6.000.000 đồng, ông Đ2 và ông T2 liên hệ Chi cục THADS huyện T để được nhận mỗi người số tiền 3.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ các điều 47, 48 BLHS; Điều 106 của BLTTHS.

Tịch thu tiêu huỷ: Của L: 02 vỏ chai bia thủy tinh S đỏ, kích thước: cao 22,5cm, đường kính đáy 6cm, đường kính nắp 3cm; 04 vỏ ốc; Nhiều mảnh thủy tinh vỡ; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng có sọc ngang màu nâu; 01 quần sọt nam Kaki màu xanh rêu; 01 nón kết lưới chai màu đen có thêu hình con hổ màu vàng. Của Y R: 01 áo sơ mi nam dài tay màu tím nhạt, có sọc ca rô màu nâu; 01 quần sọt Jean nam màu xám, trắng. Của D: 01 áo sơ mi vải sọc ca rô phía sau lưng có chữ màu đen “Classic Denim 99”.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước của Răn 01 điện thoại di động iphone SE màu đen, bạc.

Trả lại cho: ông T2: 01 cây gỗ kích thước 225cm x 3cm x 5cm; 02 cây gỗ có cùng kích thước 240cm x 2cm x 6cm; 01 cây gỗ kích thước 206cm x 3cm x 5cm; 01 cây gỗ kích thước 100cm x 4cm x 6cm; 01 cây gỗ kích thước 89cm x 4cm x 6cm - bà D1: 02 thẻ nhớ - bà Q1: 02 thẻ nhớ camera và 01 kết đựng bia S bằng nhựa màu đỏ.

Đối với: 02 cây dao tự chế; 01 bình xịt hơi cay; 20 đoạn vải mùng màu trắng; 03 ná gỗ, dây thun; 201 viên đá, 187 viên bi; 07 vỏ chai bia thủy tinh của Lê Thanh M2 – giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Cà Mau xử lý theo thẩm quyền.

Đối với các bị cáo thống nhất và không tham gia tranh luận với bày luận tội của Viện kiểm sát, các bị cáo chỉ yêu cầu xem xét áp dụng hình phạt nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

Đối với: Các bị hại ông Trần Minh Đ2 và ông Lê Văn T2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Tú Q1, bà Lê Tú D1 và ông Lê Thanh M2 và người làm chứng ông Lê Hoàng V2 và ông Lê Văn S vắng mặt, nhưng không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi:

[2.1] Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận diễn biến sự việc đã nêu tại Cáo trạng số: 45/CT-VKS ngày 22/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời đã truy tố, là đúng. Lời thừa nhận này của các bị cáo là phù hợp với lời khai của các bị cáo ở giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

Như vậy, có cơ sở để xác định:

Ngày 17/12/2023, tại vị trí tọa độ 09⁰14'N;104⁰45'E, thuộc vùng biển của xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân việc tranh chấp ngư trường đánh bắt mực trên biển, khi L gặp Đ2 đang điều khiển ghe vào bờ (cách đất liền được khoảng 3 hải lý), L đã kêu R, D, T1, Đ1, K tấn công ông Đ2 và những người đi chung, bằng việc các bị cáo sử dụng vũ công suất lớn rượt đuổi, dùng vũ khí bia thủy tinh, vỏ ốc là hung khí nguy hiểm tấn công các nạn nhân. Khi ghe của ông Đ2 chết máy, các bị cáo tiếp cận lên ghe, dùng cây gỗ, cần lái inox, cây giũ 3 khúc, đe dọa, tấn công cố ý gây thương tích những người đi trên ghe (trong đó ông Đ2 được giám định 1%, ông Văn 1 và ông S 0%), làm cho các nạn nhân hoảng sợ, không còn khả năng chống cự và bảo vệ tài sản của mình và chủ ghe và các bị cáo đã thống nhất ý chí chiếm đoạt tài sản của ông Đ2 01 bọc khô mực lá 08 kg (được định giá 8.000.000 đồng), của ông T2 01 cây cần lái Inox trên ghe của ông T2, do Đ2 điều khiển (được định giá 968.000 đồng), tổng giá trị là: 8.968.000 đồng.

Tuy nhiên, ông Đ2, ông V2, ông S không có yêu cầu xử lý hình sự gì liên quan đến các thương tích đối với các bị cáo. Riêng, đối với ông Đ2 và ông T2 có yêu cầu các bị cáo bồi thường, trong đó ông Đ2 yêu cầu bồi thường tiền điều trị là 3.000.000 đồng và tiền khô mực bị chiếm đoạt 8.000.000 đồng, tổng 11.000.000 đồng; ông T2

yêu cầu bồi thường giá trị cây cần lái Inox số tiền 968.000 đồng, sửa chữa ghe bị hư hỏng số tiền 3.000.000 đồng, tổng 3.968.000 đồng.

- Xét hành vi cụ thể của từng bị cáo thể hiện rõ, như sau: Đối với bị cáo D: D cùng với L, R, T1, D, Đ1 đi vỏ composite tấn công ghe, gây thương tích cho Đ2, V2, S. Trong lúc các bị cáo khác tấn công, không chế các nạn nhân, D thấy bọc mực khô lá 8 kg của ông Đ2, nảy sinh lòng tham và chiếm đoạt để ăn. Sau đó, khi về lại vỏ, D tiếp tục lấy, chiếm đoạt cây cần lái của ông T2. Bị cáo thực hiện hành vi cố ý gây thương tích và chiếm đoạt tài sản với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến tính mạng sức khỏe và quyền sở hữu tài sản hợp pháp của ông Đ2, ông T2, gây thiệt hại cho bị hại về tài sản là 8.968.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo D cấu thành tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo L: Vì mâu thuẫn tranh chấp ngư trường trước đó giữa L và Đ2, khi bị cáo L gặp ông Đ2 đang điều khiển ghe chạy ngược lại, bị cáo kêu Y R, D, T1, Đ1 lấy vỏ chai bia thủy tinh tấn công ghe ông Đ2. Bị cáo điều khiển võ công suất lớn rượt đuổi cho các bị cáo khác chọi vỏ chai bia thủy tinh, vỏ ốc tấn công ghe ông Đ2. Khi ghe ông Đ2 bị chết máy, bị cáo muốn gây thương tích cho ông Đ2 tới cùng nên chạy vỏ cặp mạn ghe cho các bị cáo khác qua tấn công những người trên ghe. Khi qua, bị cáo chọi 01 vỏ ốc trúng ông V2 để đe dọa, uy hiếp tinh thần các nạn nhân không được phản kháng cho các bị cáo khác tấn công gây thương tích cho ông Đ2. Bị cáo trực tiếp cầm cây gỗ vừa chửi, vừa thụt xuống hàm máy tấn công ông Đ2 gây thích tích 1%. Sau khi bị cáo vào bờ, đem khô mực chiếm đoạt của ông Đ2 đem đến nhà Y R và chia ra lấy 2 con khô mực về ăn, đồng phạm giúp sức cho bị cáo D chiếm đoạt tài sản của ông Đ2, ông T2, cũng là người khởi xướng vụ việc. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, xâm phạm đến tính mạng sức khỏe và quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, với vai trò đồng phạm giúp sức gây thiệt hại cho bị hại về tài sản là 8.968.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo D cấu thành tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Y R: Y R cùng với L, D, Đ1, T1 rượt đuổi, chọi vỏ chai bia thủy tinh, vỏ ốc tấn công ghe ông Đ2. Khi ghe ông Đ2 chết máy, L cặp mạn ghe, R nhảy lên giữ dây vỏ cho các bị cáo khác sang ghe Đ2, giật cây giữ 3 khúc của Đ1 cầm trên tay, cùng các bị cáo khác khống chế những người đi trên ghe, tấn công gây thương tích cho ông Đ2, đồng phạm giúp sức cho bị cáo D chiếm đoạt tài sản của ông Đ2, ông T2. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, xâm phạm đến tính mạng sức khỏe và quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, với vai trò đồng phạm giúp sức, gây thiệt hại cho bị hại về tài sản là 8.968.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo cấu thành tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo T1: T1 cùng với L, D, Đ1, Y R rượt đuổi, chọi vỏ chai bia thủy tinh, vỏ ốc tấn công ghe ông Đ2, bị cáo trực tiếp chọi 2 vỏ chai bia thủy tinh. Khi ghe ông Đ2 chết máy, L cặp mạn ghe, R nhảy lên giữ dây vỏ, bị cáo cùng các bị cáo khác sang ghe Đ2 sử dụng vũ lực uy hiếp, khống chế những người đi trên ghe, tấn công gây thương tích cho ông Đ2, đồng phạm giúp sức cho bị cáo D chiếm đoạt tài sản của ông Đ2, ông T2. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, xâm phạm đến tính mạng sức khỏe và quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, với vai trò đồng phạm giúp sức, gây

thiệt hại cho bị hại về tài sản là 8.968.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo cấu thành tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Đ1: Đ1 cùng với L, D, T1, Y R rượt đuổi, chọi vỏ chai bia thủy tinh, vỏ ốc tấn công ghe ông Đ2, bị cáo trực tiếp chọi 4-5 vỏ chai bia thủy tinh. Khi ghe ông Đ2 chết máy, L cặp mạn ghe, R nhảy lên giữ dây vỏ, bị cáo Đ1 đi qua ghe, lấy cây giữ 3 khúc ra đe dọa những người trên ghe và lấy cây cần lái ghe thụt xuống hầm máy tấn công ông Đ2, đồng phạm giúp sức cho bị cáo D chiếm đoạt tài sản của ông Đ2, ông T2. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, xâm phạm đến tính mạng sức khỏe và quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, với vai trò đồng phạm giúp sức, gây thiệt hại cho bị hại về tài sản là 8.968.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo cấu thành tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Từ đó, Cáo trạng số: 45/CT-VKS ngày 22/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời đã truy tố và lời buộc tội của Viện kiểm sát đối với các bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ.

[2.2] Về hình phạt: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc dùng vũ lực để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, sẽ bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc. Nhưng do bản tính hung hăng, thích giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực và xem thường pháp luật nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe và quyền sở hữu về tài sản của các bị hại được pháp luật hình sự bảo vệ. Mặt khác, hiện nay xuất phát từ tranh giành lợi ích có được từ vị trí đánh bắt có nhiều nguồn lợi thủy sản, dẫn đến mâu thuẫn và sử dụng vũ lực tranh giành ngư trường giữa những người cùng đánh ốc bẫy mực với nhau, gây phức tạp tình hình trên biển, điển hình như các bị cáo đã sử dụng vũ lực và dùng hung khí nguy hiểm để tấn công gây thương tích cho các nạn nhân, làm cho các nạn nhân không còn khả năng phản kháng để các bị cáo chiếm đoạt tài sản hoặc bị ức chế về tinh thần cho các nạn nhân hoặc những người dân khi tham gia khai thác thủy sản. Mặt dù ở vụ án này, tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là không lớn, nhưng cho thấy hành vi của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất nghiêm trọng, làm mất an ninh trật tự trên biển, cho nên hôm nay Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đưa vụ án ra xét xử công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, nơi có địa giới hành chính tiếp giáp với biển, để xét xử nghiêm minh đối với các bị cáo. Từ đó, nên cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo, mục đích để cải tạo giáo dục các bị cáo, đồng thời để răn đe cho những ai xem thường pháp luật, góp phần đảm bảo an ninh trật tự trên biển cho ngư dân yên tâm bám biển làm giàu, bảo vệ Tổ quốc và cũng nhằm để phòng ngừa chung cho toàn xã hội, theo đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết như sau:

- Xét về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo L, Y R, T1, Đ1 là không có tình tiết tăng nặng. Riêng bị cáo D có 01 tiền án chưa được xóa án tích (tại Bản án hình sự số: 16/2018/HS-ST ngày 26/02/2018, bị TAND huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xử

phạt 4 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/02/2018, về án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng đến nay bị cáo chưa chấp hành xong), nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Xét về nhân thân: Bị cáo D có 01 tiền sự đã được xóa (ngày 15/3/2017 bị Công an xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau xử phạt số tiền 750.000 đồng về hành vi “Cố ý gây thương tích”, đã chấp hành xong). Đối với Y R, bị TAND huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xử phạt 03 năm tù giam về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án hình sự số: 47/2018/HS-ST ngày 22/5/2018 (đã được xóa). Đối với T1, bị Công an huyện T, tỉnh Cà Mau xử phạt số tiền 6.500.000 đồng về hành vi “Cố ý gây thương tích” tại Quyết định số: 47/QĐ-XPHC ngày 07/02/2022 (tiền sự này chưa được xóa). Ngoài ra, T1 còn 03 lần bị TAND huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử tại Bản án hình sự số: 57/2013/HS-ST ngày 19/7/2013 - xử phạt 01 năm 07 tháng 24 ngày tù giam về tội “Hiếp dâm”, tại Bản án hình sự số: 05/2016/HS-ST ngày 15/01/2016 - xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích” và tại Bản án hình sự số: 84/2018/HS-ST ngày 26/10/2018 - xử phạt 01 năm tù giam về tội “Tổ chức đánh bạc” (các bản án này đã được xóa án tích). Đối với L, tại Quyết định số: 147/QĐ-XPHC ngày 03/6/2023 bị Công an huyện T, tỉnh Cà Mau xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, chấp hành xong vào ngày 23/6/2023 (tiền sự này chưa được xóa). Ngoài ra, L còn 02 lần bị TAND huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự số: 70/2011/HS-ST ngày 12/9/2011 và bị xử phạt 01 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự số: 21/2011/HS-ST ngày 15/4/2011 (các bản án này đã được xóa án tích).

- Xét về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b (tự nguyện khắc phục hậu quả), s (thành khẩn khai báo) khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng, bị cáo R và L được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 (người phạm tội đầu thú, gia đình có công với Cách mạng, trong đó R có ông nội Nguyễn Văn H3 là cựu chiến binh, bà nội Nguyễn Thị D2 là thương binh, bác hai Nguyễn Văn H4 là cựu chiến binh, còn L có bác ruột Nguyễn Văn N5 là liệt sỹ) Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Tuy nhiên, với những đánh giá các tình tiết như đã nêu trên, đối với bị cáo D và L thì cần án dụng mức hình phạt trên khung của điều luật (nhưng do D có 01 tiền án chưa được xóa, nên hình phạt của D sẽ cao hơn hình phạt của L), đối với các bị cáo Y R, T1, Đ1 cần áp dụng hình phạt khởi điểm của khung hình phạt, theo như mức án mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo.

[2.3] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, ông Đ2 và ông T2 có yêu cầu các bị cáo bồi thường, trong đó ông Đ2 yêu cầu bồi thường tiền điều trị là 3.000.000 đồng và tiền khô mực bị chiếm đoạt 8.000.000 đồng, tổng 11.000.000 đồng. Ông T2 yêu cầu bồi thường giá trị cây cần lái Inox số tiền 968.000 đồng, sửa chữa ghe bị hư hỏng số tiền 3.000.000 đồng, tổng 3.968.000 đồng.

Tại phiên toà: Các bị cáo đồng ý liên đới bồi thường số tiền như ông Đ2 và ông T2 đã yêu cầu, đồng thời có đối trừ các khoản tiền mà các bị cáo đã nộp khắc phục. Như vậy, đối với số tiền của ông Đ2, thì mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông Đ2 là 2.200.000 đồng và đối với số tiền của ông T2 793.600 đồng. Đã qua, các bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả với tổng số tiền 6.000.000 đồng (D 2.000.000 đồng, R 1.000.000 đồng, T1 1.000.000 đồng, Đ1 1.000.000 đồng, L 1.000.000 đồng, tổng 6.000.000 đồng). Số tiền này, được chia đều cho ông Đ2 và ông T2 mỗi người được nhận là 3.000.000 đồng (tương ứng với $\frac{1}{2}$ số tiền mà các bị cáo đã nộp). Như vậy: Các bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho ông Đ2 mỗi bị cáo số tiền là 1.600.000 đồng, bồi thường tiếp cho ông T2 mỗi bị cáo số tiền là 193.000 đồng.

[2.4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6 Điều 168 của Bộ luật Hình sự, thì các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của các bị cáo, cho thấy các bị cáo không có công việc ổn định. Xét, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[2.5] Về vật chứng: Đối với: 02 vỏ chai bia thủy tinh S đỏ, kích thước: cao 22,5cm, đường kính đáy 6cm, đường kính nắp 3cm; 04 vỏ ốc; Nhiều mảnh thủy tinh vỡ; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng có sọc ngang màu nâu; 01 quần sọt nam Kaki màu xanh rêu; 01 nón kết lưới chai màu đen có thêu hình con hổ màu vàng (của L). 01 áo sơ mi nam dài tay màu tím nhạt, có sọc ca rô màu nâu; 01 quần sọt Jean nam màu xám, trắng (của Y R). 01 áo sơ mi vải sọc ca rô phía sau lưng có chữ màu đen “Classic Denim 99” (của D). Xét, tại phiên toà các bị cáo L, Y R, D không có yêu cầu nhận lại, đồng thời các đồ vật này không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu huỷ. Đối với 01 điện thoại di động iphone SE màu đen, bạc của bị cáo Y R. Xét, tại phiên toà bị cáo không có yêu cầu nhận lại, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Đối với: 01 cây gỗ kích thước 225cm x 3cm x 5cm; 02 cây gỗ có cùng kích thước 240cm x 2cm x 6cm; 01 cây gỗ kích thước 206cm x 3cm x 5cm; 01 cây gỗ kích thước 100cm x 4cm x 6cm; 01 cây gỗ kích thước 89cm x 4cm x 6cm (đã thu giữ của ông T2), 02 thẻ nhớ (đã thu giữ của bà Lê Tú D1), 02 thẻ nhớ camera và 01 kết dính bia S bằng nhựa màu đỏ (đã thu giữ của bà Phạm Tú Q1). Xét, các tài sản, đồ vật này cũng không có liên quan đến vụ án, cần giao trả lại cho ông T2, bà D1 và bà Q1 là phù hợp. Đối với: 02 cây dao tự chế; 01 bình xịt hơi cay; 20 đoạn vải mùng màu trắng; 03 ná gỗ, dây thun; 201 viên đá, 187 viên bi; 07 vỏ chai bia thủy tinh, đã thu giữ của ông Lê Thanh M2. Xét, cần giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Cà Mau xử lý theo thẩm quyền.

[2.6] Các vấn đề khác có liên quan: Đối với Nguyễn Văn K1: Khoa có cùng với các bị cáo thực hiện hành vi tấn công, chiếm đoạt tài sản của ông Đ2, nhưng hiện nay K1 đã bỏ trốn tại địa phương. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ban hành Quyết định truy tìm, khi bắt được xử lý sau là phù hợp.

[3] Về án phí: Do các bị cáo D, L, Y R, T1, Đ1 đã bị kết án, nên cần buộc mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ các điều 17, 38; khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Công D **04** (bốn) năm tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù được tính kể từ ngày 28/12/2023.

2/ Căn cứ các điều 17, 38; khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn L **03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù được tính kể từ ngày 02/01/2024.

3/ Căn cứ các điều 17, 38; khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Y R **03** (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù được tính kể từ ngày 20/12/2023.

4/ Căn cứ các điều 17, 38; khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Văn T1 **03** (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù được tính kể từ ngày 28/12/2023.

5/ Căn cứ các điều 17, 38; khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Tiểu Đ1 **03** (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù được tính kể từ ngày 28/12/2023.

6/ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo Bùi Công D, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Y R, Hồ Văn T1, Trần Tiểu Đ1, mỗi bị cáo phải bồi thường cho: Ông Trần Minh Đ2 số tiền là 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm ngàn đồng) và ông Lê Văn T2 số tiền là 193.000 đồng (Một trăm chín mươi ba ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên, thì người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Số tiền 6.000.000 đồng (do các bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả), ông Trần Minh Đ2 và ông Lê Văn T2 liên hệ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau để được nhận mỗi người số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

7/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ các điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu huỷ: Của Nguyễn Tấn L: 02 vỏ chai bia thuỷ tinh S đỏ, kích thước: cao 22,5cm, đường kính đáy 6cm, đường kính nắp 3cm; 04 vỏ ốc; Nhiều mảnh thuỷ tinh vỡ; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng có sọc ngang màu nâu; 01 quần sọt nam Kaki màu xanh rêu; 01 nón kết lưới chai màu đen có thêu hình con hổ màu

vàng. Của Nguyễn Y R: 01 áo sơ mi nam dài tay màu tím nhạt, có sọc ca rô màu nâu; 01 quần sọt Jean nam màu xám, trắng. Của Bùi Công D: 01 áo sơ mi vải sọc ca rô phía sau lưng có chữ màu đen “Classic Denim 99”.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước của Nguyễn Y R 01 điện thoại di động iphone SE màu đen, bạc.

- Trả lại cho: Ông Lê Văn T2 01 cây gỗ kích thước 225cm x 3cm x 5cm; 02 cây gỗ có cùng kích thước 240cm x 2cm x 6cm; 01 cây gỗ kích thước 206cm x 3cm x 5cm; 01 cây gỗ kích thước 100cm x 4cm x 6cm; 01 cây gỗ kích thước 89cm x 4cm x 6cm – cho bà Lê Tú D1 02 thẻ nhớ - cho bà Phạm Tú Q1 02 thẻ nhớ camera và 01 kết dính bia S bằng nhựa màu đỏ.

- Đối với: 02 cây dao tự chế; 01 bình xịt hơi cay; 20 đoạn vải mùng màu trắng; 03 ná gỗ, dây thun; 201 viên đá, 187 viên bi; 07 vỏ chai bia thủy tinh của Lê Thanh M2 – giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Cà Mau xử lý theo thẩm quyền.

(Theo biên bản v/v giao nhận vật chứng ngày 24/4/2024).

8/ Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc các bị cáo Bùi Công D, Nguyễn Y R, Hồ Văn T1, Trần Tiểu Đ1, Nguyễn Tấn L, mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

9/ Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo Bùi Công D, Nguyễn Y R, Hồ Văn T1, Trần Tiểu Đ1, Nguyễn Tấn L được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các bị hại ông Trần Minh Đ2, ông Lê Văn T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Tú Q1, bà Lê Tú D1, ông Lê Thanh M2 được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện Trần Văn Thời (1b);
- CAND huyện Trần Văn Thời (1b);
- THADS huyện Trần Văn Thời (1b);
- Người tham gia tố tụng (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

